

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST.**

Ngày 10 tháng 01 năm 2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2022 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H; sinh năm 1996; Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Hải T; sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Hiện đang chấp hành án tại Đội 4 K5 Trại Giam Ninh Khánh, địa chỉ: xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1973 và bà Lưu Thị S, sinh năm 1974, cùng nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H, anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Th có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị Vũ Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Hải T vào ngày 18 tháng 02 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, nghiện ma túy. Anh T đã 02 lần bị bắt về việc sử dụng ma túy và hiện tại đang chấp hành án tại đội 4 K5 Trại Giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn với anh T để yên tâm làm ăn, sinh sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Hải N, sinh ngày 15/05/2016 và Trần Vũ Anh T, sinh ngày 06/01/2019. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung; công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xin vắng mặt, anh Trần Hải T trình bày: Anh và chị Vũ Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị H đã trình bày. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Trần Hải N.

Về tài sản chung; công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông Trần Văn Th trình bày: Vợ chồng anh T chị H có 02 con chung như chị H đã trình bày. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với vợ chồng ông. Việc ly hôn là quyền của anh T và chị H. Gia đình ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng chị H, anh T và yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng, khi chị H có yêu cầu nuôi con thì gia đình ông cũng nhất trí. Ngoài ra ông Th còn trình bày chị H có vay của vợ chồng ông 60.000.000đ nay chị H anh T ly hôn ông yêu cầu chị H phải trả khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn, bị đơn Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; 73 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

- Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Trần Hải T.

- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Hải N, sinh ngày 15/05/2016 và Trần Vũ Anh T, sinh ngày 06/01/2019. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con của chị H.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của ông Trần Văn Th do chưa có căn cứ xem xét tại phiên tòa, ông Th có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị H nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được biết. Nguyên đơn, bị đơn Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; 73 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS

[2] Về tình cảm:

Vũ Thị H kết hôn với anh Trần Hải T vào ngày 18 tháng 02 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do anh T sử dụng ma túy. Anh T đã 02 lần bị bắt về việc sử dụng ma túy và hiện đang chấp hành án tại đội 4 K5 Trại Giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai, anh Trần Hải T trình bày: Vợ chồng anh xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên

việc chị H xin ly hôn, anh T nhất trí là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là Trần Hải N, sinh ngày 15/05/2016 và Trần Vũ Anh T, sinh ngày 06/01/2019. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T là ông Trần Văn Th và bà Lưu Thị S.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông Trần Văn Th trình bày: Ông xác nhận việc vợ chồng ông đang nuôi 02 con chung của vợ chồng anh T, chị H. Gia đình ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng chị H, anh T.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy:

Tại biên bản thu thập chứng cứ tại địa phương xã T cung cấp: Chính quyền địa phương cũng xác nhận việc vợ chồng ông Th, bà S hiện đang nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng anh T, chị H. Theo thông tin từ quần chúng nhân dân cơ sở thì bà S mẹ đẻ của anh T hiện đang mang thai và sắp sinh.

Mặt khác, hiện tại anh T đang chấp hành án, vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho con chung cần giao cho chị H trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp. Việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

Anh T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Đối với yêu cầu của ông Th về việc chị H có vay của vợ chồng ông 60.000.000đ nay chị H anh T ly hôn ông yêu cầu chị H phải trả khoản tiền này HĐXX thấy: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại biên bản lấy lời khai ông Th không trình bày về khoản nợ này, tại phiên tòa cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh do vậy HĐXX thấy do chưa có căn cứ xem xét, ông Th có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị H nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Trần Hải T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung Trần Hải N, sinh ngày 15/05/2016 và Trần Vũ Anh T, sinh ngày 06/01/2019. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện 02 cháu Trần Hải N và Trần Vũ Anh T đang ở cùng ông Trần Văn Th và bà Lưu Thị S (bố mẹ đẻ của anh Trần Hải T). Ông Th, bà S phải có trách nhiệm giao 02 cháu Trần Hải N và Trần Vũ Anh T cho chị H nuôi dưỡng khi chị H có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002167 ngày 28/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà